

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
Số 1987/QĐ - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đăk Song, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT - BNV ngày 04/11/ 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 về việc bãi bỏ khoảng 7 Điều 2, Thông tư số 12/2019/TT - BNV ngày 04/11/ 2019 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 335/QĐ - UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc ban hành quy định về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đăk Nông;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 447/TTr - NV ngày 08/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng huyện Đăk Song.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 501/QĐ - UBND ngày 31/5/2018 của UBND huyện Đăk Song.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Nhu Điều 2;
- Ban TĐ-KT tinh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Cổng Thông tin Điện tử huyện;
- Lưu VT, NV.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phò

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng huyện Đăk Song

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1987/QĐ - UBND ngày 09/12/2021
của UBND huyện Đăk Song)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này cụ thể hóa pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Đăk Song, bao gồm: nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ, cá nhân, tập thể được khen thưởng.

2. Các nội dung khác về công tác thi đua khen thưởng không quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể và cá nhân thuộc:

a. Các cơ quan Đảng; các phòng, ban, đoàn thể cấp huyện;

b. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội các xã, thị trấn;

c. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

d. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn huyện tham gia các phong trào thi đua của huyện;

đ. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp;

e. Tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh trên địa bàn huyện;

2. Các cá nhân đăng ký thường trú trên địa bàn huyện.

3. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài có công lao, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

Điều 3. Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ; Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh Đăk Nông về xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các văn bản về xét công nhận sáng kiến trên địa bàn huyện Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng của huyện. Hội đồng Thi đua Khen thưởng huyện thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua, công tác khen thưởng trong phạm vi toàn huyện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cụm, khối thi đua chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong phạm vi mình quản lý; xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến; tạo điều kiện để tập thể, cá nhân điển hình được tặng thưởng báo cáo, trao đổi, phổ biến kinh nghiệm, khẳng định mình trước tập thể, cộng đồng.

3. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Phối hợp thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; coi trọng công tác tuyên truyền, vận động để các tầng lớp nhân dân tham gia; chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

2. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng huyện, có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện về nội dung và tổ chức phong trào thi đua trên địa bàn huyện.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin tuyên truyền huyện

Các cơ quan thông tin tuyên truyền của huyện có trách nhiệm phối hợp với phòng Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm.

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.
2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.
3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ; xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.
4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.
5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI ĐUA

Điều 8. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét thi đua.

1. Nguyên tắc thi đua.
 - a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
 - b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
2. Căn cứ xét thi đua.

Tập thể, cá nhân được công nhận danh hiệu thi đua khi có đủ các căn cứ sau:

 - a) Phong trào thi đua.
 - b) Đăng ký thi đua.
 - c) Thành tích thi đua.
 - d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

Điều 9. Hình thức tổ chức thi đua.

1. Thi đua thường xuyên được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, cả năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 10. Nội dung tổ chức phong trào thi đua.

1. Nội dung và các chỉ tiêu thi đua được xác định trên cơ sở mục tiêu, đối tượng, phạm vi của phong trào thi đua; đảm bảo tính khoa học, phù hợp với thực tế và có tính khả thi.
2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho

phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng.

Điều 11. Các yêu cầu khi tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng thành tích của phong trào thi đua.

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng kế hoạch tổ chức, phát động phong trào thi đua trong đó xác định rõ đối tượng, nội dung công việc, tiêu chí hoàn thành, số lượng người được khen thưởng; Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng phê duyệt số lượng người được khen thưởng trong phong trào thi đua và có ý kiến về các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Đối với phong trào thi đua có thời gian trên 14 tháng: các đơn vị, địa phương phải gửi kế hoạch đến Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng trước ngày 20 tháng 10 của năm trước liền kề năm diễn ra hoạt động sơ kết, tổng kết (hoặc đại hội theo nhiệm kỳ); các phong trào thi đua có thời gian dưới 14 tháng thì thời điểm gửi kế hoạch trước thời điểm phát động thi đua ít nhất 5 ngày làm việc.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thi đua; phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo.

Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

3. Xét thi đua đối với cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng năm: nếu nội dung thi đua trùng với nội dung thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đã được xét khen thưởng mà các tiêu chí đạt được của hoạt động thi đua không vượt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ thì cá nhân chỉ được đề nghị cấp có thẩm quyền tặng giấy khen. Trong trường hợp hoạt động thi đua đạt được các tiêu chí cao hơn mức hoàn thành tốt nhiệm vụ thì cá nhân có thể vừa được khen thưởng (tặng giấy khen), vừa được công nhận danh hiệu thi đua.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA THUỘC THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN CỦA UBND HUYỆN

Điều 12. Các danh hiệu thi đua.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.
2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể: Tập thể lao động tiên tiến, "Gia đình văn hóa", "thôn, bản, tổ dân phố văn hóa".

Điều 13. Danh hiệu Lao động tiên tiến.

Xét tặng cho các đối tượng đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Xét tặng danh hiệu cho các trường hợp gián đoạn thời gian công tác trong năm.

a) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

c) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

d) Đôi với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

đ) Không xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; đang thi hành kỷ luật hoặc đang trong thời gian xem xét thi hành kỷ luật.

4. Tỷ lệ người được xét danh hiệu Lao động tiên tiến trong các đơn vị trường học công lập.

Trong các đơn vị đề nghị xét danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được xét đến mức tối đa 100% tổng số công chức, viên chức, người lao động; các đơn vị được đề nghị xét danh hiệu tập thể lao động tiên tiến được xét không quá 70% tổng số công chức, viên chức, người lao động; các đơn vị còn lại được xét không quá 50% tổng số công chức, viên chức, người lao động.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 Luật số 15/2003/QH11 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, cụ thể:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Có đê tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đê tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

3. Tỷ lệ công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở cho cán bộ quản lý (có phụ cấp chức vụ) trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở:

a) Đối với khối các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, khối cơ quan Đảng – đoàn thể: không vượt quá 50% tổng số cá nhân thuộc khối đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục: không vượt quá 25% tổng số viên chức toàn ngành đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

1. Đối tượng: Các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; Ban Chỉ huy quân sự xã, thị trấn; các trường học thuộc UBND huyện.

2. Tiêu chuẩn: Đối tượng quy định tại khoản 1 điều này có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, thì tỷ lệ này được tính trên tổng số cán bộ, công chức của đơn vị.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 16. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”; “Thôn, bon, bản, tổ dân phố văn hoá”

Danh hiệu “Gia đình văn hoá”, “Thôn văn hoá”, “Làng văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” được xét tặng hàng năm theo quy định tại các Điều 29, 30 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHEN THƯỞNG

Điều 17. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

c) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khêu khích bằng lợi ích vật chất.

2. Căn cứ xét khen thưởng.

a) Tiêu chuẩn khen thưởng.

b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích.

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 18. Quy định chung về khen thưởng.

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể đơn vị, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của thành tích để làm thành căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Thời điểm xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng: Các đơn vị hành chính thực hiện theo năm kế hoạch; các đơn vị sự nghiệp giáo dục thực hiện theo năm học.

Thời điểm đăng ký khen thưởng đối với tổng kết nhiệm kỳ: Các đơn vị, địa phương phải đăng ký trước ngày 20 tháng 10 của năm trước liền kề của năm diễn ra tổng kết nhiệm kỳ.

3. Không đề nghị tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được; tập thể, các nhân đủ tiêu chuẩn tặng hình thức khen thưởng mức nào thì xét, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ở hình thức đó.

4. Chỉ lấy thành tích toàn diện trong năm công tác để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; không xét khen thưởng riêng đối với phong trào thi đua theo đợt nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung (mà nhiệm vụ hoặc lĩnh vực này nằm trong tổng thể nhiệm vụ thường xuyên của năm công tác), nhưng kết quả của phong trào thi đua này được ghi nhận để tính thành tích hoạt động cả năm.

5. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn; không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ ...), người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác; tập thể nhỏ, tập thể vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hộ gia đình.

6. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

7. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

8. Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính theo thời gian lập thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau tính theo thời gian ban hành quyết định lần trước.

9. Không khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Đối với các trường hợp đang thi hành kỷ luật thì không xét khen thưởng hàng năm, nhưng có thể được xét khen thưởng theo đợt hoặc đột xuất.

Điều 19 . Các loại hình khen thưởng.

1. Khen thưởng hàng năm là khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm; đối với tổ chức và cá nhân không thuộc hệ thống cơ quan nhà nước thì căn cứ vào mức độ đóng góp, xây dựng cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của huyện trong năm để xét khen thưởng.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

a) Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

b) Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được quốc tế ghi nhận.

4. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

5. Khen thưởng quá trình công hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Mục 3 GIẤY KHEN

Điều 20. Giấy khen.

Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tặng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình:

1. Cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (nếu là Đảng viên phải được phân loại đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ) và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao hàng năm.

2. Những tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải

hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường) và đạt một trong các điều kiện sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích đột xuất;
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm.

3. Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Nếu giá trị đóng góp từ 50 triệu đồng đến 75 triệu đồng thì được xem xét tặng giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện; mức đóng góp cao hơn thì được xem xét đề nghị cấp tỉnh tặng bằng khen; mức đóng góp thấp hơn thì Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xem xét quyết định khen thưởng.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng cho các tập thể, cá nhân đạt các thành tích trong các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề):

a. Về đối tượng khen thưởng: Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong việc tham mưu chỉ đạo, triển khai, thực hiện các chuyên đề; ưu tiên khen thưởng đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện, người nông dân, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

b. Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Chủ tịch UBND huyện phát động (hoặc có văn bản giao cho các cơ quan, đơn vị phát động) thì việc khen thưởng chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng cấp huyện.

c. Các tập thể cá nhân cùng một lúc tham gia nhiều phong trào thi đua (chuyên đề) khác nhau và chuyên đề cùng tổ chức tổng kết trong một năm thì lựa chọn, đề nghị khen thưởng đối với một chuyên đề có thành tích xuất sắc, tiêu biểu nhất (trường hợp khen thưởng vượt quá 01 chuyên đề do Chủ tịch UBND huyện quyết định).

d. Về tỷ lệ khen thưởng, số lần khen thưởng:

Người trực tiếp tham gia thực hiện chuyên đề chiếm ít nhất 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là lãnh đạo, quản lý tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền không quá 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng.

Trong một năm, một đối tượng khen thưởng chỉ được xét tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện một lần (trừ khen thưởng đột xuất hoặc trường hợp đặc biệt khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định).

5. Đối với các cơ quan, đơn vị tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập (năm tròn), đại hội: Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng huyện căn cứ vào quy mô, đặc điểm, tính chất, số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thời gian thành lập để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc (ưu tiên các cá nhân có thành tích công hiến, thời gian công tác lâu dài tại đơn vị, không vi phạm kỷ luật).

6. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho tập thể, cá nhân đạt thành tích trong công tác đối ngoại.

a. Đối tượng: các tập thể, cá nhân ngoài huyện, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài.

b. Tiêu chuẩn: có thành tích trong việc ủng hộ từ thiện, nhân đạo, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội, ngoại giao và lĩnh vực khác góp phần và sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

7. Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất.

Các tập thể, cá nhân đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của nhà nước (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG

Điều 21. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Chủ tịch UBND huyện quyết định tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến, Giấy khen; danh hiệu thôn, bản, tổ dân phố văn hóa và tương đương; trình cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND xã, thị trấn quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến, Giấy khen đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã, thị trấn; danh hiệu Gia đình văn hóa; trình Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở và danh hiệu thôn, bon, bản, tổ dân phố văn hóa.

3. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

Điều 22. Lễ trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ - CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Công văn số 800/UBND-NC ngày 23/02/2017 Của UBND tỉnh, đảm bảo trang trọng, tiết kiệm.

Mục 2

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

Điều 23. Các quy định chung về thủ tục, hồ sơ

1. Cá nhân đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị khen thưởng; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác, do người đứng đầu

cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề khen thưởng, hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng; báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

4. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ đề nghị khen thưởng của Chủ tịch UBND huyện, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

5. Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng

Điều 24. Tuyển trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 25. Thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị;

b) Biên bản họp bình xét thi đua của Hội đồng TĐKT các cơ quan, đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

2. Hồ sơ xét danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

a) Tờ trình đề nghị xét danh hiệu thi đua của cơ quan, đơn vị;

b) Biên bản họp bình xét thi đua của Hội đồng TĐKT các cơ quan, đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng. (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ).

3. Hồ sơ xét tặng Giấy khen của UBND huyện.

a) Tờ trình đề nghị xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

b) Biên bản họp bình xét thi đua của Hội đồng TĐKT các cơ quan, đơn vị;

c) Báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ);

d) Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Số lượng hồ sơ.

a) Số lượng Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen thưởng 01 bản chính (không đóng tập);

b) Số lượng Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng 03 bản chính (không đóng tập);

c) Số lượng Hồ sơ đề nghị Trung ương khen thưởng 05 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen; 06 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng (đóng tập);

5. Trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

a) Khen thưởng phục vụ yêu cầu nhiệm vụ chính trị;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích công trạng rõ ràng.

d) Hồ sơ đề nghị theo thủ tục đơn giản gồm:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị;

- Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen.

- Thành phần hồ sơ gồm:
- + 01 tờ trình;
- + 01 bản tóm tắt báo cáo thành tích;
- + 01 biên bản họp Hội đồng Thi đua khen thưởng (trong trường hợp đơn vị có Hội đồng Thi đua khen thưởng).

6. Các tài liệu gửi kèm hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên:
 - Kết quả đánh giá cán bộ công chức, viên chức và người lao động đơn vị và kết quả đánh giá phân loại tập thể đơn vị (nếu có);
 - Quyết định công nhận danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến, lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua.

Điều 26. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng được gửi về cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng huyện theo các mốc thời gian sau:

1. Khen thưởng thường xuyên: trước ngày 15/12 hàng năm; đối với các đơn vị trường học chậm nhất trước ngày 15/6 hàng năm.
2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề) trước ngày sơ kết, tổng kết ít nhất 25 ngày.
3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng nộp chậm so với thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được xem xét giải quyết, trừ những trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

Chương V QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 27. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến.

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị hàng năm có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh; chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;
 - b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời.
2. Phòng Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng huyện, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi toàn huyện.

Điều 28. Đào tạo, bồi dưỡng.

Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng huyện phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 29. Kiểm tra.

Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng huyễn tham mưu cho Hội đồng thi đua, khen thưởng xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 30. Hội đồng thi đua, khen thưởng.

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng huyễn.

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Tham mưu, tư vấn cho Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về công tác thi đua, khen thưởng:

- Xây dựng quy chế hoạt động;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

b) Thành phần: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND huyện, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Trưởng phòng Nội vụ; các phó Chủ tịch và Ủy viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

c) Thường trực Hội đồng là phòng Nội vụ.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng các cơ quan, đơn vị (gọi chung là cấp cơ sở).

a) Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở là cơ quan tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thành phần Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là cán bộ được giao tham mưu công tác thi đua khen thưởng tại cơ quan, đơn vị. Các phó Chủ tịch và Ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Xây dựng quy chế hoạt động;

- Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương VI

QUÝ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 31. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng.

Lập quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện chính sách, chế độ về khen thưởng.

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành từ ngân sách nhà nước, từ quỹ khen thưởng của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

Nghiêm cấm sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng vào mục đích khác.

2. Nguồn và mức trích quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

3. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

4. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 320. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng.

Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước hoặc quyết định khen thưởng.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của UBND tỉnh; UBND huyện, UBND xã, thị trấn; và chế độ ưu đãi được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

3. Các quyền lợi khác.

Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, được tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, ngoài việc được khen thưởng theo quy định của Nghị định này, được ưu tiên xét nâng bậc lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Chương VII
**QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI
DANH HIỆU**

Điều 33. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 34. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 35. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 36. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu.

Thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ - CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Tổ chức thực hiện.

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ Quy định này, cụ thể hóa thành quy định của đơn vị, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện công tác khen thưởng đúng chính sách pháp luật, góp phần khích lệ, động viên, giáo dục, nêu gương nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng huyện để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.